

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2022
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Hữu Tường

Ông Hoàng Đình Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Hội T xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 5, xã Nam Phúc T, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ dân phố Tây L, thị trấn Thiên C, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị N và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm L (nay là thị trấn Thiên C), huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh ngày 12/11/2003, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên rượu chè, xúc phạm và coi thường chị. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, không tìm cách hàn gắn tình cảm, không liên lạc gì với nhau. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/9/2004; Nguyễn Đình Thế Đ, sinh ngày 22/4/2008 và Nguyễn Đình Nam K, sinh ngày 22/5/2009. Chị Trần Thị N chỉ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi cháu Đ và cháu K đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, để cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Đình T: Anh T thống nhất như chị Nguyệt trình bày, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống ly từ khoảng năm 2012 đến nay, không tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không liên lạc gì với nhau. Tuy nhiên, giữa anh và chị Nguyệt không có mâu thuẫn gì đáng kể. Nay anh mong muốn chị Nguyệt suy nghĩ kỹ để vợ chồng có thể đoàn tụ, còn nếu chị Nguyệt kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị Nguyệt trình bình. Anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị H, không yêu cầu chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con, đồng thời nhường cho chị Nguyệt được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi con Nguyễn Đình Thế Đ và Nguyễn Đình Nam K; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không có T hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; Quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại vụ án, nhận thấy chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình T; Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Thế Đ, sinh ngày 22/4/2008 và Nguyễn Đình Nam K, sinh ngày 22/5/2009; Giao cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/9/2004 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyệt và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Đình T có nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay tại tổ dân phố Tây Long, thị

trần Thiên Cẩm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 12/11/2003 tại UBND xã Cẩm L (nay là thị trấn Thiên C), huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Nguyệt nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới, xúc phạm, coi thường chị. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc gì với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đình T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì đáng kể, anh mong muốn chị Nguyệt suy nghĩ để vợ chồng có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không tìm cách hàn gắn tình cảm, không liên lạc gì với nhau, nếu chị Nguyệt kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn”*. Vì vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N, xử cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T thống nhất trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/9/2004; Nguyễn Đình Thế Đ, sinh ngày 22/4/2008 và Nguyễn Đình Nam K, sinh ngày 22/5/2009. Xét thấy, chị Trần Thị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Thế Đ và Nguyễn Đình Nam K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu Đ và cháu K đã trên 07 tuổi có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ nên cần giao cho chị Nguyệt được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và cháu K; anh Nguyễn Đình T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/9/2004 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với bố nên cần giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; anh T cũng chấp nhận để cho chị Nguyệt trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ và cháu K. Chị Nguyệt và anh T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Đình Thế Đ, sinh ngày 22/4/2008 và Nguyễn Đình Nam K, sinh ngày 22/5/2009 cho chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao con Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/9/2004 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tiền số 0008830 ngày 01/3/2022. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị N đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND thị trấn Thiên C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

